

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2021
V/v ly hôn giữa anh Th và chị Ph

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát
2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên;

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1980, có mặt
Nơi cư trú: Thôn Th, xã L, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: **Bùi Thị Ph**, sinh năm 1986, vắng mặt
Nơi ĐK HKTT: Thôn Th, xã L, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
Địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh kết hôn với chị Bùi Thị Ph vào năm 2006, trước khi cưới có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện thỏa thuận kết hôn, không bị

ai cưỡng ép, lừa dối. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang vào ngày 24/4/2006. Sau khi kết hôn, chị Phương về nhà anh làm dâu, chung sống cùng gia đình anh. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Năm 2014, chị Ph xin phép gia đình cho chị Ph đi làm công ty tại khu công nghiệp Đình Trám, Bắc Giang và được gia đình đồng ý. Thời gian đầu, chị Ph có thường xuyên về thăm nhà. Kể từ tháng 9/2014 đến nay, chị Ph không về nhà lần nào nữa, nếu có về cũng chỉ về nhà mẹ đẻ của chị Ph ở thôn Đ (nay là thôn M), xã D, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Anh cũng không rõ lý do tại sao chị Ph không về nhà. Anh có gọi điện liên lạc nhưng chị Ph không nghe máy, anh chỉ được nghe mẹ đẻ chị Ph nói lại là chị Ph kêu chán không muốn về. Trước đó giữa hai vợ chồng không xảy ra xích mích hay mâu thuẫn gì.

Do thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc được cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Ph được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 07/5/2006 và cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 05/3/2009. Hiện cả hai cháu đang ở cùng với anh. Vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Anh không yêu cầu chị Ph phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Thêm giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

2. Bị đơn là chị Bùi Thị Ph đã chuyển về ở cùng với bố mẹ đẻ tại thôn M, xã D từ năm 2015 sau đó bỏ đi làm công ty, từ đó đến nay chị Ph thường xuyên vắng nhà nên Tòa án không thể giao trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị Ph được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, đồng thời gửi cho mẹ đẻ chị Ph là bà Hoàng Thị T nhận thay, bà T đã thông báo cho chị Ph biết nhưng chị Ph cố tình giấu địa chỉ nơi làm việc và không cung cấp ý kiến bằng văn bản, cũng không chấp hành đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của chị Ph.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành tốt và thực hiện đúng quyền và

nghĩa vụ quy định. Chị Bùi Thị Ph là bị đơn không cung cấp lời khai, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng chị Ph vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Bùi Thị Ph, giao cả hai cháu Nguyễn Văn Th và cháu Nguyễn Văn Th cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ph không phải cấp dưỡng nuôi con; không đặt ra xem xét, giải quyết quan hệ về tài sản; miễn án phí ly hôn cho anh Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn chị Bùi Thị Ph, có địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị Ph có nơi cư trú rõ ràng, nhưng cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ chỗ làm việc, không chấp hành giấy triệu tập và yêu cầu của Tòa án; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án theo quy định. Do chị Ph đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Bùi Thị Ph kết hôn với nhau tuân theo các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 – Luật Hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Sơn Động vào ngày 24/4/2006. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị Ph là hợp pháp; nay anh Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi dưỡng con chung, Tòa án thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Th yêu cầu ly hôn chị Ph với lý do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, chị Ph đã tự ý bỏ nhà đi làm ăn, không còn quan tâm đến gia đình, vợ chồng sống đã ly thân nhau đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù Tòa án không lấy được lời khai của chị Ph nhưng căn cứ vào lời khai của anh Th, bà T (mẹ chị Ph), kết quả xác minh tại địa phương, có đủ cơ sở khẳng định: từ

năm 2015 đến nay, chị Ph không chung sống cùng anh Th, không quan tâm, chăm sóc đến gia đình, chồng, con. Như vậy, chị Ph đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người vợ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Th là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Th và chị Ph có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 07/5/2006 và cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 05/3/2009, hiện cả hai cháu đang ở cùng anh Th. Sau khi ly hôn, anh Th có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị Ph phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi anh Th, chị Ph sống ly thân, anh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, cháu Th; Anh Th có nơi ở ổn định, ngoài làm nông nghiệp anh còn làm thêm nghề thợ xây, có mức thu nhập ổn định bình quân từ 6.000.000đ -8.000.000đ/tháng, từ khi vợ chồng sống ly thân, anh Th vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho hai con. Chị Ph hiện không có mặt tại địa phương, chưa xác định được công việc, mức thu nhập của chị Ph nên không đảm bảo điều kiện nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, cháu Th để đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển tốt nhất.

[4] Về án phí: Anh Th yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do anh Th là thành viên hộ nghèo, thuộc diện được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326, anh Th có đơn xin miễn nộp án phí nên cần xem xét, miễn án phí cho anh Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Bùi Thị Ph.

2. Về con chung:

Giao cho anh Nguyễn Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2006 và cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2009.

Chị Bùi Thị Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn cho anh Nguyễn Văn Th.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND xã L
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hằng